TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HSST
Ngày: 21-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L -TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Quốc Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Trần Hùng Bích**
Cán bộ hưu trí phường M – thành phố L

2. **Bà Mai Thị Ngọc Hân**
Cán bộ phường M – thành phố L

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* **Ông Trần Quốc Toản** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2019/TLST-HS ngày 17/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HS ngày 04/6/2019 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ L, sinh năm 1988 tại huyện A, tỉnh An Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp P, xã H, huyện A, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Tuấn A và Nguyễn Thị N; Bị cáo có chồng tên Trần Thế V, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2017; Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị cáo bị cấm khỏi nơi cư trú từ ngày 17/9/2018 đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1993. Địa chỉ: số 33/2, khóm Đ,

phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Chị Bùi Đỗ N, sinh năm 1994. Địa chỉ: số 39, đường Nguyễn H, khóm 2, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Huỳnh Thị Thanh T – chủ DNTN vàng trắng K. Địa chỉ: số 39, đường Nguyễn H, khóm 2, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Chị T, chị N, chị T vắng mặt)

* Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Bác Ái – Văn phòng Luật sư Sỹ Kim thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 07/7/2018 đến ngày 12/7/2018, Nguyễn Thị L đã nhiều lần dùng thủ đoạn mua vàng giả mang đến Doanh nghiệp tư nhân vàng trắng K (gọi tắt là tiệm vàng K) thuộc phường M, thành phố L giả vờ hỏi mua vàng, lợi dụng sơ hở của người bán, L lấy vàng thật rồi tráo đổi vàng giả và viện lý do không mua, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 07/7/2018, L đến tiệm vàng K bán 02 chiếc nhẫn, 02 đổi bông vàng trắng cho chị Nguyễn Thị Cẩm T (nhân viên bán hàng), L mua lại sợi dây chuyền 75P Italy, trọng lượng 16,89 gam với số tiền 16.045.000đ, L phải trả thêm khoảng 12.000.000đ. Tiếp đó, L yêu cầu chị T cho xem đưa khay vàng Italy, chị T đưa khay vàng cho L xem thì có báo cho L biết trên khay có 10 chiếc lắc tay. Khi nhận được khi vàng, L lựa chọn, ướm thử và lợi dụng lúc chị T đang cho khách hàng xem vàng thì L đẩy chiếc lắc tay vàng 75P Italy, trọng lượng 13.2 gam đang đeo trên tay vào phía bên trong tay tay áo che lại và lấy chiếc lắc tay giả màu trắng kiểu dáng 09 hình tròn, trọng lượng 2,72 chỉ, có đính đá màu trắng để trong túi vải màu đỏ mang theo trong người để vào khay, L tiếp tục ướm thử các chiếc lắc khác thì trả lại khay vàng và được chị Thu kiểm tra đủ 10 chiếc. Khi chị T vừa cất khay vàng, L liền bán chiếc lắc tay trên cho tiệm vàng K được 8.900.000đ, L mua lại 01 sợi dây chuyền vàng 75P Italy, trọng lượng 5,39 gam với giá 4.839.000đ.

Lần thứ hai: Khoảng 11 giờ ngày 12/7/2018, L đến tiệm vàng K yêu cầu chị Bùi Đỗ N (nhân viên bán hàng) đưa khay vàng cho L lựa chọn. Chị N lấy khay vàng và báo cho L biết trên khay có 10 chiếc lắc tay. Cũng bằng thủ đoạn trên, L lấy 01 chiếc lắc tay vàng Italy 75P kiểu mặt chữ G, trọng lượng 36,11

gam giấu vào túi áo khoác rồi lấy trong túi áo khoác 01 chiếc lắc giả màu trắng, kiểu dáng 07 hình tròn, trọng lượng 3,39 chỉ đính đá màu trắng để vào khay và trả lại khay vàng, chị N kiểm tra trước mặt Loan đủ 10 chiếc và cất vào tủ.

Lần thứ ba: Khoảng 15 giờ ngày 12/7/2018, với thủ đoạn tương tự, L đến tiệm vàng K yêu cầu chị Nguyễn Thị Cẩm T đưa khay vàng Italy cho L xem. Chị T đưa khay vàng và báo cho L biết trên khay có 10 chiếc lắc tay. Khi nhận được khay lắc tay từ chị T, L lựa chọn, ướm thử, lợi dụng lúc chị T bán hàng cho người khác thì L lấy 01 chiếc lắc tay vàng 75P Italy, kiểu 02 hàng bi, trọng lượng 39,90 gam giấu vào túi áo khóac và lấy 01 chiếc lắc tay giả màu trắng, kiểu dáng 07 hình tròn, trọng lượng 3,39 chỉ đính đá màu trắng được L chuẩn bị từ trước để vào khay. Tiếp đó, L tiếp tục ướm thử các chiếc lắc khác rồi trả lại khay vàng cho chị T. Khi chị T kiểm tra lại thì phát hiện 01 chiếc lắc có màu sắc đậm hơn nên tri hô, mở camera phát hiện L tráo đổi vàng nên báo công an phường M lập biên bản và thu giữ tang vật.

Các kết luận định giá số 170/KL.HĐ ngày 12/7/2018, số 171/KL.HĐ ngày 30/11/2018, số 177/KL.HĐ ngày 10/12/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố L, xác định: 01 chiếc lắc đeo tay vàng ý, kiểu dáng hai hàng bi, trọng lượng 39,90g, trị giá 39.900.000đ; 01 chiếc lắc đeo tay vàng ý, kiểu dáng mặt chữ G, trọng lượng 36,11g, trị giá 32.499.000đ; 01 sợi dây chuyền vàng 75P Italy, trọng lượng 5g39, trị giá 5.390.000đ; 01 sợi kiềng vàng 75P Italy, trọng lượng 16g89, trị giá 16.890.000đ; 01 chiếc lắc đeo tay bạc, kiểu dáng chín hình tròn trọng lượng $2^{C}72$, trị giá 500.000đ; 01 chiếc lắc đeo tay, kiểu dáng hai mươi bốn hình tròn trọng lượng $5^{C}86$, trị giá 500.000đ; 01 chiếc lắc đeo tay bạc, kiểu dáng bảy hình tròn, trọng lượng $3^{C}39$, trị giá 500.000đ.

Cáo trạng số: 49/CT-VKS ngày 16/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, truy tố Nguyễn Thị L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà sơ thẩm:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (thuộc trường hợp gia đình có công với cách mạng, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi), điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về hình phạt: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Cẩm T, Bùi Đỗ N; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Thanh T – Chủ DNTN vàng trắng K được bị cáo bồi thường và nhận lại tài sản, không yêu cầu thêm về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

Về biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 chiếc lắc đeo tay bạc, kiểu dáng chín hình tròn trọng lượng $2^{C}72$; 01 chiếc lắc đeo tay, kiểu dáng hai mươi bốn hình tròn trọng lượng $5^{C}86$; 01 chiếc lắc đeo tay bạc, kiểu dáng bảy hình tròn, trọng lượng $3^{C}39$ và 01 sợi dây chuyền vàng 75P Italy, trọng lượng 5g39 cùng số tiền 4.511.000đ, đây là công cụ dùng vào việc phạm tội cũng như tài sản do phạm tội mà có.

Trả lại cho bị cáo: 01 sợi kiềng vàng 75P Italy, trọng lượng 16g89, đây là tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội.

* Bị cáo Nguyễn Thị L khai nhận: Từ ngày 07/7/2018 đến ngày 12/7/2018, bị cáo mua lắc tay bạc ngoài chợ và đến tiệm vàng K yêu cầu nhân viên bán hàng cho xem vàng và thực hiện thủ đoạn tráo đổi lắc tay thật để lại lắc tay giả lên khay vàng, mục đích đánh lừa các nhân viên bán hàng đếm đủ số lượng 10 chiếc như lúc họ đưa bị cáo xem. Bị cáo đã thực hiện hành vi trên 03 lần và bị phát hiện, bắt giữ (chiều ngày 12/2//2018) như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đối với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, bị cáo không có ý kiến tranh luận, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội vừa qua. Thời gian bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là bị cáo vừa ly hôn, một mình nuôi con nên tâm lý có không tốt và không nghĩ sao bị cáo lại làm như vậy. Bị cáo yêu cầu nhận lại sợi kiềng mua bằng tiền của bị cáo trước khi thực hiện hành vi phạm tội, đối với số tiền chênh lệch so với các kết luận định giá vàng thì bị cáo đồng ý, không có ý kiến, không yêu cầu nhận lại số tiền thu giữ 4.511.000đ.

* Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Thống nhất với bản Cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về các biên bản định giá tài sản tại các thời điểm có sự chênh lệch về số tiền về định giá vàng. Đề nghị xem xét đề nghị áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự của đại diện Viện kiểm sát, vì đã truy tố định khung tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, lại áp dụng thêm tình tiết tăng nặng là không đúng theo quy định pháp luật. Thống nhất về

các tình tiết giảm nhẹ theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm điểm h, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 thuộc trường hợp phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn, người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã ly hôn và đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, ông nội của bị cáo được Nhà nước phong tặng Huân chương kháng chiến hạng ba. Từ những tình tiết giảm nhẹ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo, thể hiện tinh thần nhân đạo của Nhà nước.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Phần tranh luận của người bào chữa thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nên không tranh luận thêm. Tuy nhiên, người bào chữa yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại các biên bản định giá là không cần thiết, vì Hội đồng định giá chỉ định giá tạm tại phường Mỹ Long nên chưa có giá trị pháp lý, sau đó Hội đồng mới chính thức định giá. Đối với việc đề nghị xem xét lại tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, theo người bào chữa là đã truy tố bị cáo định khung hình phạt tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, lại áp dụng thêm tình tiết tăng nặng là không đúng quy định pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 03 lần, mỗi lần phạm tội đều đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự (Tại khoản 1 Điều 174 cũng quy định rõ từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ) nên việc áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần tại điểm g khoản 1 Điều 52 là phù hợp với quy định pháp luật. Đối với việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm h, t khoản 1 Điều 51 cho rằng bị cáo chưa gây thiệt hại là không đúng, vì bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người quản lý tài sản với số tiền vàng gấp đôi số lương họ làm công được hưởng hàng tháng, chính họ phải bồi thường cho chủ tiệm vàng Kim Hương nên có thiệt hại xảy ra. Việc đề nghị áp dụng thêm điểm t là không phù hợp, vì tình tiết vụ án đã rõ, bị cáo thừa nhận hành vi phạm khi trích xuất camera tại tiệm vàng nên Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có tình tiết nào thể hiện bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc quá trình giải quyết vụ án.

Bị cáo không bổ sung gì thêm ngoài phần tranh luận của người bào chữa, Đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo giữ nguyên quan điểm tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giải quyết vụ án khách quan, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

Bị hại Nguyễn Thị Cẩm T, Bùi Đỗ N; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Thanh T – Chủ DNTN vàng trắng K vắng mặt tại phiên tòa

nhưng quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai, họ khai nhận về tài sản bị mất và đã nhận lại tài sản, nhận tiền bồi thường từ bị cáo, không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo và nội dung Cáo trạng đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không kêu oan, không khiếu nại.

[2] Về thủ tục tố tụng

Bị hại Nguyễn Thị Cẩm T, Bùi Đỗ N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa không ý kiến về việc vắng mặt của những người này và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy, quá trình điều tra, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai, thể hiện họ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự. Giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án triệu tập người tham gia tố tụng tham dự phiên tòa hợp lệ, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp nên việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về trách nhiệm hình sự

Ngày 07/7/2018 đến ngày 12/7/2018, với mục đích chiếm đoạt tài sản tại tiệm vàng K, bị cáo Nguyễn Thị L đã thực hiện hành vi gian dối bằng thủ đoạn chuẩn bị lắc tay bạc mua ngoài chợ rồi đến tiệm vàng K yêu cầu nhân viên bán hàng đưa khay lắc tay vàng Italy cho bị cáo xem để chọn mua. Lợi dụng lúc nhân viên không để ý, bị cáo nhanh chóng thực hiện hành vi hoán đổi 01 trong 10 chiếc lắc tay vàng Italy trên khay nhằm đánh lừa bị hại (là người đang quản lý tài sản). Lần đầu khi hoán đổi được chiếc lắc tay vàng Italy, bị cáo liền bán lại cho tiệm vàng K để mua lại trang sức khác và lấy tiền tiêu xài, đến lần thứ ba thì bị phát hiện, bắt giữ. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ khác được thu thập

trong quá trình điều tra vụ án.

Tài sản bị cáo chiếm đoạt theo các kết luận định giá số 170/KL.HĐ ngày 12/7/2018, số 171/KL.HĐ ngày 30/11/2018, số 177/KL.HĐ ngày 10/12/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố L, có giá trị là 84.279.000đ. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo Nguyễn Thị L theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Người bào chữa thống nhất với Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của người bào chữa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội

Bị cáo là phụ nữ trưởng thành, khỏe mạnh, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân. Bị cáo có trình độ học vấn tương đối cao (Đại học) nên thế giới quan trong nhận thức của bị cáo có phần hoàn thiện hơn và sẽ có những suy nghĩ chính chắn khi điều khiển hành vi nhưng ngược lại, bị cáo thích mua sắm, thích có trang sức đẹp để trưng diện mà không phải mua bằng tiền lao động để có được nên đã thực hiện thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản, bằng hành vi hoán đổi lắc đeo tay bạc để lấy lắc đeo tay vàng Italy tại tiệm vàng K. Bị cáo thực hành vi phạm tội tại nơi có đông người đến mua bán, trao đổi vàng, nơi có bảo vệ và được camera an ninh ghi hình ảnh, điều này thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật, bất chấp tất cả để chiếm đoạt tài sản, bị cáo biết rõ hành vi trên là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Người bào chữa cho bị cáo không thống nhất với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát và cho rằng đã truy tố bị cáo định khung tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, còn áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là không phù hợp với quy định pháp luật. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thị L đã thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản 3

lần tại tiệm vàng K, giá trị tài sản mỗi lần chiếm đoạt đều đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 84.279.000đ nên phải truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" không phải là tình tiết định khung của Điều 174 Bộ luật hình sự nên ngoài việc truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm, khoản, điều nêu trên còn phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 trở lên" theo quy định tại Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Như vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, thuộc trường hợp người phạm tội đã bồi thường thiệt hại, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ông nội bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng thêm điểm h, t khoản 1 Điều 51 thuộc trường hợp phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn; người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc quá trình giải quyết vụ án. Từ những tình tiết giảm nhẹ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cùng chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện rõ bị cáo đã tích cực bồi thường thiệt hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ông nội của bị cáo có công với cách mạng, bị cáo đang nuôi con nhỏ sau ly hôn và được chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh khó khăn, điều này phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đối với đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ của người bào chữa để làm căn cứ cho bị cáo được hưởng án treo là không có cơ sở, không thể hiện tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội và tinh thần thượng tôn, chấp hành pháp luật trong quần chúng nhân dân nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự

Bị hại Bùi Đỗ N, Nguyễn Thị Cẩm T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Thanh T đã nhận được bồi thường, nhận lại tài sản từ bị cáo và không yêu cầu thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét đến

[8] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra - Công an thành phố L có chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/02/2019, sẽ được xử lý như sau:

Tịch thu phát mãi sung ngân sách Nhà nước: 01 chiếc lắc đeo tay bạc, kiểu dáng chín hình tròn trọng lượng $2^{C}72$; 01 chiếc lắc đeo tay, kiểu dáng hai mươi bốn hình tròn trọng lượng $5^{C}86$; 01 chiếc lắc đeo tay bạc, kiểu dáng bảy hình tròn, trọng lượng $3^{C}39$ và 01 sợi dây chuyền vàng 75P Italy, trọng lượng 5g39 cùng số tiền 4.511.000đ (Theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 22/02/2019 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang), đây là công cụ dùng vào việc phạm tội cũng như tài sản do phạm tội mà có.

Trả lại cho bị cáo: 01 chiếc kiềng vàng 75P Italy, trọng lượng 16g89, đây là tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 106; Điều 136; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt bị hại Bùi Đỗ N, Nguyễn Thị Cẩm T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Thanh T – Chủ DNTN vàng trắng K.

Tuyên xử:

[1] Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

[2] Xử lý vật chứng:

Tịch thu phát mãi sung ngân sách Nhà nước: 01 sợi dây chuyền vàng 75P Italy, trọng lượng 5g39; 01 chiếc lắc đeo tay bạc, kiểu dáng chín hình tròn trọng lượng $2^{C}72$; 01 chiếc lắc đeo tay, kiểu dáng hai mươi bốn hình tròn trọng lượng $5^{C}86$; 01 chiếc lắc đeo tay bạc, kiểu dáng bảy hình tròn, trọng lượng $3^{C}39$ cùng số tiền 4.511.000đ;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L: 01 chiếc kiềng vàng 75P Italy, trọng lượng 16g89;

(Xử lý vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/02/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố L và Chi cục thi hành án dân sự thành phố L; Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 22/02/2019 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang).

[3] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- NCQL và NVLQ;
- Chi cục T.H.A TPL;
- Nhà Tạm Giữ CA.TPL;
- Sở tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.